CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 2145/NĐQN-KHVT	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
v/v mời báo giá dịch vụ quan trắc khí thải	*Quảng Ninh, ngày 05 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Các Quý đơn vị quan tâm.

Hiện tại, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh đang có nhu cầu mua sắm dịch vụ quan trắc khí thải định, cụ thể:

(Phụ lục nội dung yêu cầu báo giá kèm theo)

Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh mời các Quý đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá cho các danh mục dịch vụ nêu trên với hiệu lực tối thiểu 45 ngày kể từ ngày báo giá.

Thông tin vui lòng cung cấp trước ngày 12/11/2026.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700434069 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH - P.CAO XANH - TP.QUẢNG NINH

Nguyễn Việt Dũng

TANND(Ngô Duy Tân) 06/11/2026 08:14

NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Địa điểm giao hàng/ thực hiện	Khối lượng	Đơn vị tính
1	SO_2	02 ngày × 1 lần đo × 04 tổ máy Đánh giá kết quả quan trắc: Đối chiếu với yêu cầu tại Giấy phép môi trường và các quy chuẩn áp dụng, gồm QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (cột B; Kp = 0,85; Kv = 0,6) đối với SO_2, NOx; QCĐP 05:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp = 0.8; Kv = 0,6) đối với CO	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh; Tổ 33, khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, Quảng Ninh	728	Mẫu
2	NOx (tính theo NO2)	02 ngày × 1 lần đo × 04 tổ máy Đánh giá kết quả quan trắc: Đối chiếu với yêu cầu tại Giấy phép môi trường và các quy chuẩn áp dụng, gồm QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (cột B; Kp = 0,85; Kv = 0,6) đối với SO_2, NOx; QCĐP 05:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp = 0.8; Kv = 0,6) đối với CO	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh; Tổ 33, khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, Quảng Ninh	728	Mẫu
3	CO	02 ngày × 1 lần đo × 04 tổ máy Đánh giá kết quả quan trắc: Đối chiếu với yêu cầu tại Giấy phép môi trường và các quy chuẩn áp dụng, gồm QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (cột B; Kp = 0,85; Kv = 0,6) đối với SO_2, NOx; QCĐP 05:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp = 0.8; Kv = 0,6) đối với CO	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh; Tổ 33, khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, Quảng Ninh	728	Mẫu
4	O_2 (dư)	02 ngày × 1 lần đo × 04 tổ máy Đánh giá kết quả quan trắc: Đối chiếu với yêu cầu tại Giấy phép môi trường và các quy chuẩn áp dụng, gồm QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (cột B; Kp = 0,85; Kv = 0,6) đối với SO_2, NOx; QCĐP 05:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp = 0.8; Kv = 0,6) đối với CO	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh; Tổ 33, khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, Quảng Ninh	728	Mẫu
5	Bụi tổng	07 ngày × 1 lần đo × 04 tổ máy Đánh giá kết quả quan trắc: Đối chiếu với yêu cầu tại Giấy phép môi trường và các quy chuẩn áp dụng, gồm QCVN 22:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện (cột B; Kp = 0,85; Kv = 0,6) đối với SO_2, NOx; QCĐP 05:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp = 0.8; Kv = 0,6) đối với CO	Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh; Tổ 33, khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, Quảng Ninh	209	Mẫu